

Bản án số: 14/2021/DS-ST

Ngày: 25 – 01 - 2021

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản,
hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Ghên

2. Bà Trương Thị Kim Tiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Cương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Còn – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 516/2020/TLST-DS ngày 05 tháng 10 năm 2020 về việc tranh chấp “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 365/2020/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2020/QĐST-DS ngày 08 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh Ph, sinh năm 1983. Địa chỉ hiện nay: Ấp G, xã M, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp C nguyên đơn: Anh Thái Hoàng D, sinh năm 1990 – Luật sư Văn phòng luật sư Nguyễn Hòa Bình thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Long An. (có mặt)

- Bị đơn:

1/ Ông Võ Văn C, sinh năm 1947 (vắng mặt)

2/ Bà Huỳnh Thị P, sinh năm 1949 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp M 2, xã M, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1/ Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1971. Địa chỉ: Ấp G, xã M, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. (có mặt)

2/ Văn phòng công chứng Nguyễn Văn Lồng. (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 1, xã Đ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/9/2020, những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh Ph trình bày như sau:

Ngày 06/01/2020, ông Võ Văn C và bà Huỳnh Thị P có vay C chị Nguyễn Thị Thanh Ph số tiền 1.500.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng; việc vay tiền có làm giấy tay mượn tiền ngày 06/01/2020, thời hạn vay 06 tháng; đồng thời để làm tin cho việc vay tiền, ông Võ Văn C, bà Huỳnh Thị P có ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa đất số 247, tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại xã M, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tại Văn phòng công chứng (VPCC) Nguyễn Văn Lồng cho chị Ph và giao bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 170108 đứng tên Võ Văn C do Ủy ban nhân dân huyện Đức Hòa cấp ngày 16/01/2006. Đến hết thời hạn vay, ông C và bà P không thực hiện cam kết hoàn trả số tiền vay cho chị Ph; cũng không trả cho chị Ph tiền lãi phát sinh, dù chị Ph nhiều lần yêu cầu. Chị Ph thực hiện việc thủ tục sang tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 247 nhưng không được vì lý do diện tích cấp giấy và bản đồ chính lý chênh lệch nhiều, phải tiến hành đo đạc, điều chỉnh cấp đổi lại.

Nay chị Nguyễn Thị Thanh Ph yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa chị Ph và ông C, bà P ngày 06/01/2020 do VPCC Nguyễn Văn Lồng công chứng số công chứng 71, quyền số 01.TP/CC-SCC/HĐGD; yêu cầu ông C, bà P liên đới trả cho chị Ph số tiền 1.500.000.000 đồng và lãi suất phát sinh từ ngày 06/01/2020 đến ngày xét xử vụ án với mức lãi suất 1.16%/tháng. Chị Ph đồng ý trả lại cho ông Võ Văn C và bà Huỳnh Thị P bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 247, tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại xã M, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An số AĐ 170108 đứng tên Võ Văn C do Ủy ban nhân dân huyện Đức Hòa cấp ngày 16/01/2006.

Chị Nguyễn Thị Thanh Ph trình bày số tiền 1.500.000.000 đồng cho ông C và bà P vay là tài sản chung C chị và chồng là anh Nguyễn Văn H.

Ngoài ra, không còn yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn H trình bày: Anh là chồng C chị Ph, số tiền chị Ph cho ông C, bà P vay là tài sản chung C anh chị, anh thống nhất với ý kiến, lời trình bày và yêu cầu khởi kiện C chị Ph, không trình bày bổ sung.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan VPCC Nguyễn Văn Lồng trình bày tại Công văn số 04/CV-VPCC: Ngày 06/01/2020, VPCC Nguyễn Văn Lồng có

công chứng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Võ Văn C và bà Huỳnh Thị P với chị Nguyễn Thị Thanh Ph số công chứng số công chứng 71, quyền số 01.TP/CC-SCC/HĐGD đối với quyền sử dụng thửa đất số 247, tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại xã M, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Việc công chứng hợp đồng trên là đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật. VPCC Nguyễn Văn Lồng không có yêu cầu gì trong vụ án, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật và đề nghị được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý, các văn bản tố tụng cần thiết, đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và các thủ tục theo pháp luật quy định nhưng bị đơn ông Võ Văn C và bà Huỳnh Thị P vẫn vắng mặt, cũng không có văn bản ghi ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện C nguyên đơn nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp C nguyên đơn anh Thái Hoàng D trình bày quan điểm tại phiên tòa: Nguyên đơn xuất trình được chứng cứ là Giấy vay tiền chứng minh việc ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa nguyên đơn và bị đơn đối với thửa đất số 247, tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại xã M, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An là để đảm bảo cho việc vay tiền, đồng thời chứng minh được bị đơn có nhận từ nguyên đơn số tiền vay là 1.500.000.000 đồng, P bị đơn không có bất cứ phản hồi nào về yêu cầu khởi kiện C nguyên đơn. Do đó, có cơ sở xác định hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa nguyên đơn và bị đơn là vô hiệu do giả tạo, nhằm che giấu giao dịch vay tiền, các bên có nghĩa vụ hoàn trả lại cho nhau những gì đã nhận. Từ quan điểm vừa nêu, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện C nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh Ph.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa phát biểu quan điểm như sau:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử vụ án, những người tiến hành tố tụng và nguyên đơn đã tuân thủ đúng theo quy định C Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt lần thứ hai dù đã được triệu tập hợp lệ nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án là phù hợp. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định C Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Chị Ph yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa chị Ph và ông C, bà P ngày 06/01/2020 do VPCC Nguyễn Văn Lồng công chứng số công chứng 71, quyền số 01.TP/CC-SCC/HĐGD; yêu cầu ông C, bà P liên đới trả số tiền 1.500.000.000 đồng và lãi suất phát sinh. Xét thấy, nguyên đơn trình bày nguyên đơn cho bị đơn vay tiền và đảm bảo bằng việc ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, việc vay tiền có lập giấy vay tiền; bị đơn vắng mặt không có bất cứ phản hồi gì dù biết được yêu cầu khởi kiện C nguyên đơn. Từ đó thấy rằng yêu cầu khởi kiện C nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH C TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ các kết quả xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị Thanh Ph khởi kiện ông Võ Văn C và bà Huỳnh Thị P yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất liên quan đến thửa đất số 247, tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại xã M, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An và yêu cầu trả số tiền đã vay theo “Giấy mượn tiền”. Quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn ông Võ Văn C và bà Huỳnh Thị P có hộ khẩu thường trú tại ấp Mới 2, xã M, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An; đối tượng C hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất là quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 247, tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại xã M, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a, c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh Ph có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải; Tòa án đã thực hiện thủ tục mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, vụ án được đưa ra xét xử là đúng quy định C pháp luật.

Về thời hiệu khởi kiện: Giấy mượn tiền và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất xác lập vào ngày 06/01/2020, thời hạn C giấy mượn tiền đến ngày 06/7/2020. Ngày 21/9/2020, chị Ph nộp đơn khởi kiện ông Võ Văn C và bà Huỳnh Thị P tại Tòa án, do đó vụ án vẫn còn trong thời hiệu khởi kiện theo Điều 429 Bộ luật Dân sự 2015.

Tại phiên tòa, bị đơn ông Võ Văn C và bà Huỳnh Thị P đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ vào điểm b, khoản 2 Điều 227; khoản 3 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về hiệu lực C hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa chị Nguyễn Thị Thanh Ph với ông Võ Văn C và bà Huỳnh Thị P số công chứng 71, quyền số 01.TP/CC-SCC/HĐGD ngày 06/01/2020 tại VPCC Nguyễn Văn Lồng đối với quyền sử dụng thửa đất số 247, tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại xã M, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An:

Chị Ph trình bày chị cho ông Võ Văn C và bà Huỳnh Thị P vay số tiền 1.500.000.000 đồng, và để đảm bảo cho số tiền vay hai bên đã lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại VPCC Nguyễn Văn Lồng ngày 06/01/2020 đối với quyền sử dụng thửa đất số 247, tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại xã M, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Mặc dù, ông Võ Văn C và bà Huỳnh Thị P không có ý kiến trình bày nhưng chị Ph xuất trình được chứng cứ gồm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và giấy mượn tiền được lập cùng ngày

06/01/2020; nội dung về số tiền, thông tin thửa đất trên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và giấy mượn tiền thống nhất với nhau.

Do đó, có căn cứ xác định hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Võ Văn C và bà Huỳnh Thị P với chị Nguyễn Thị Thanh Ph số công chứng 71, quyển số 01.TP/CC-SCC/HĐGD ngày 06/01/2020 tại VPCC Nguyễn Văn Lồng đối với quyền sử dụng thửa đất số 247, tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại xã M, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An được lập nhằm mục đích che giấu giao dịch vay tiền giữa chị Nguyễn Thị Thanh Ph với ông Võ Văn C và bà Huỳnh Thị P.

Mặt khác, căn cứ vào PH trả hồ sơ ngày 05/8/2020 C Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Đức Hòa thì thửa đất số 247, tờ bản đồ số 15, xã M có diện tích cấp giấy và bản đồ chính lý chênh lệch nhiều, phải tiến hành đo đạc, điều chỉnh cấp đổi theo hệ thống bản đồ mới; do đó, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Võ Văn C và bà Huỳnh Thị P với chị Nguyễn Thị Thanh Ph ngày 06/01/2020 tại VPCC Nguyễn Văn Lồng đối với quyền sử dụng thửa đất số 247 có đối tượng không thể thực hiện được.

Từ những phân tích trên, có căn cứ xác định hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Võ Văn C và bà Huỳnh Thị P với chị Nguyễn Thị Thanh Ph ngày 06/01/2020 bị vô hiệu theo Điều 124, Điều 408 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.2]. Xét yêu cầu C chị Ph yêu cầu ông C, bà P liên đới trả số tiền vay 1.500.000.000 đồng: Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ giữa ông Võ Văn C và bà Huỳnh Thị P với chị Nguyễn Thị Thanh Ph ngày 06/01/2020 là giả tạo, nhằm che giấu cho giao dịch vay tài sản; căn cứ Điều 124 Bộ luật Dân sự năm 2015, giao dịch vay tài sản giữa ông Võ Văn C và bà Huỳnh Thị P với chị Nguyễn Thị Thanh Ph bị che giấu vẫn có hiệu lực. Xét thấy, chị Ph xuất trình được giấy mượn tiền ngày 06/01/2020 với số tiền 1.500.000.000 đồng, số tiền thể hiện trên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cũng là 1.500.000.000 đồng trong khi ông C, bà P không có ý kiến phản hồi về giấy mượn tiền nên có căn cứ xác định số tiền ông C và bà P vay C chị Ph là 1.500.000.000 đồng nên cần buộc ông C, bà P liên đới trả cho chị Ph số tiền 1.500.000.000 đồng là phù hợp với Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự 2015.

[2.3]. Về lãi suất:

Chị Ph yêu cầu ông C, bà P trả lãi suất phát sinh do chậm trả tiền với mức lãi suất 1.16%/tháng từ ngày 06/01/2020 đến ngày xét xử vụ án.

Giấy vay tiền giữa ông C, bà P và chị Ph không thỏa thuận về lãi suất, do đó mức lãi suất được áp dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, mức lãi suất là 10%/năm, tương đương 0.83%/tháng. Mức lãi suất do chị Ph yêu cầu (1.16%/tháng) cao hơn mức lãi suất theo quy định pháp luật nên cần điều chỉnh lại mức lãi suất theo quy định là 10%/năm, tương đương 0.83%/tháng. Thấy rằng thời hạn trả tiền ghi trong giấy mượn tiền là 06 tháng kể từ ngày vay tiền (06/01/2020), như vậy thời gian tính lãi suất chậm trả sẽ được tính từ ngày 07/7/2020.

Từ ngày 07/7/2020 đến ngày 25/01/2021 – ngày xét xử vụ án (06 tháng 18 ngày), số tiền lãi phát sinh là: $1.500.000.000 \text{ đồng} \times 06 \text{ tháng} \times 0.83\%/\text{tháng} = 74.700.000 \text{ đồng} + 7.470.000 \text{ đồng} = 82.170.000 \text{ đồng}$.

Như vậy, tổng số tiền vay và lãi phát sinh là: 1.582.170.000 đồng.

[2.4]. Do Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ giữa ông Võ Văn C và bà Huỳnh Thị P với chị Nguyễn Thị Thanh Ph ngày 06/01/2020 bị vô hiệu, theo Điều 131 Bộ luật Dân sự, các bên hoàn trả cho nhau những gì đã nhận nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện C chị Ph về việc trả lại cho ông Võ Văn C và bà Huỳnh Thị P bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 247, tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại xã M, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An số AD 170108 đứng tên Võ Văn C do Ủy ban nhân dân huyện Đức Hòa cấp ngày 16/01/2006.

[2.5]. Chị Nguyễn Thị Thanh Ph và chồng anh Nguyễn Văn H thống nhất trình bày số tiền 1.500.000.000 đồng cho ông C và bà P vay là tài sản chung vợ chồng, anh H thống nhất với yêu cầu khởi kiện C chị Ph nên cần buộc ông C, bà P có trách nhiệm liên đới trả tiền cho chị Ph và anh H là phù hợp.

Từ những phân tích, xét yêu cầu khởi kiện C chị Nguyễn Thị Thanh Ph là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Xét quan điểm C luật sư Thái Hoàng D bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là phù hợp nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4]. Xét quan điểm C Kiểm sát viên là phù hợp nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5]. Về án phí: Ông Võ Văn C và bà Huỳnh Thị P là người cao tuổi được miễn nộp tiền án phí Tòa án theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 C Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nhưng ông Võ Văn C và bà Huỳnh Thị P không có đơn đề nghị miễn án phí Tòa án theo quy định tại Điều 1 khoản 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 C Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do đó Ông Võ Văn C và bà Huỳnh Thị P phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 C Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hoàn trả lại cho chị Nguyễn Thị Thanh Ph số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, Điều 26, Điều 34, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 483; Điều 227, Điều 228, Điều 490, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 117, 122, 124, 131, 408, 463, 466, 357, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 C Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện C chị Nguyễn Thị Thanh Ph về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất” đối với ông Võ Văn C và bà Huỳnh Thị P.

1.1 Tuyên bố văn bản công chứng số 01.TP/CC-SCC/HĐGD ngày 06/01/2020 C VPCC Nguyễn Văn Lồng theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa chị Nguyễn Thị Thanh Ph với ông Võ Văn C và bà Huỳnh Thị P đối với thửa đất số 247, tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại xã M, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An vô hiệu.

1.2. Ông Võ Văn C và bà Huỳnh Thị P có trách nhiệm liên đới trả cho chị Nguyễn Thị Thanh Ph và anh Nguyễn Văn H số tiền 1.582.170.000 đồng (trong đó tiền gốc là 1.500.000.000 đồng, tiền lãi là 82.170.000 đồng).

Khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án C người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, bên có nghĩa vụ chậm thi hành sẽ phải chịu thêm khoản tiền lãi tính trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 tương ứng với thời gian chưa thi hành án, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

1.3. Chị Nguyễn Thị Thanh Ph có trách nhiệm trả lại cho ông Võ Văn C và bà Huỳnh Thị P bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 247, tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại xã M, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An số AĐ 170108 đứng tên Võ Văn C do Ủy ban nhân dân huyện Đức Hòa cấp ngày 16/01/2006.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Võ Văn C và bà Huỳnh Thị P phải chịu 300.000 đồng án phí không có giá ngạch và 59.465.100 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả lại cho chị Nguyễn Thị Thanh Ph, sung Ngân sách Nhà nước.

Hoàn lại cho chị Nguyễn Thị Thanh Ph số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006431 ngày 05/10/2020 và 30.240.000 đồng theo biên lai thu số 0006432 ngày 05/10/2020 C Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa.

3. Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và

Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- TAND tỉnh Long An;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Lưu HS, VT.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên và đóng dấu)

Trần Thị Kim Thanh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Ghên – Trương Thị Kim Tiến

Trần Thị Kim Thanh

Nguyễn Thanh Hoàng – Trần Thị Đới

